



Nhơn Trạch, ngày 18 tháng 04 năm 2014

MẪU CBTT-02

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2013

I. Lịch sử hoạt động của Công ty :

Khái quát về Công ty

- *Những sự kiện quan trọng :*

- + Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN CHANG YIH**
- + Tên tiếng anh : **CHANG YIH CERAMIC JIONT STOCK COMPANY**
- + Mã chứng khoán : **CYC**
- + Trụ sở chính: Đường 25B, KCN Nhơn Trạch I, Huyện Nhơn Trạch, Đồng Nai.
- + Điện thoại: 0613-560770~776 Fax: 0613-560778~779

Việc thành lập : Công ty Cổ Phần Gạch Men Chang Yih được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ công ty TNHH Gạch Men Chang Yih. Công ty TNHH Gạch Men Chang Yih là công ty 100% vốn đầu tư nước ngoài, hoạt động theo giấy phép số 52/GP-KCN-ĐN do Ban quản lý các KCN Đồng Nai cấp ngày 01 tháng 09 năm 2000, và sau đó cổ phần hóa theo quyết định số 580/Ttg – ĐMDN ngày 11 tháng 05 năm 2005 của Thủ tướng Chính Phủ, Giấy phép đầu tư số 52CPH/GP-KCN-ĐN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 06 tháng 02 năm 2006, giấy Chứng Nhận Đầu Tư số 472033000269 ngày 19 tháng 10 năm 2007, thay đổi lần 2 ngày 31 tháng 08 năm 2009, thay đổi lần 3 ngày 16/11/2010

Niệm yết : Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Tp Hồ Chí Minh theo quyết định số 51/UBCK-GPNY ngày 21 tháng 06 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, và thông báo số 504/TTGDHCM-NY của Trung Tâm Giao Dịch Chứng Khoán Thành Phố Hồ Chí Minh ngày 24 tháng 07 năm 2006.

- *Quá trình phát triển :*

+ Ngành nghề kinh doanh theo giấy phép gồm : Sản xuất chế biến các loại gạch men và gạch trang trí mỹ thuật cao cấp, và xây dựng công trình dân dụng.

+ Tình hình hoạt động : Công ty đang hoạt động sản xuất gạch men - ngành nghề theo giấy phép kinh doanh được cấp, chưa triển khai ngành xây dựng.

- *Định hướng phát triển :*

1. Tầm nhìn :

* Mục tiêu của công ty là không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh hiện tại nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho các cổ đông và cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống của người lao động trong Công ty, làm tròn nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước.

* Xây dựng thương hiệu vững mạnh và đưa ảnh hưởng của công ty trong ngành gạch men và gạch trang trí mỹ thuật lên một tầm cao mới, phấn đấu nâng cao tỷ lệ chiếm giữ thị phần.

2. Sứ mệnh : Cam kết cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tốt nhất cho xã hội.

3. Các giá trị cốt lõi :

- * Phục vụ người tiêu dùng là trung tâm của mọi hoạt động.
- * Cung xây dựng, quảng bá và bảo vệ thương hiệu vững mạnh.
- * Dẫn dắt sản xuất hàng hóa và nâng cao năng lực sản xuất.
- * Luôn cải tiến, đổi mới và nâng cao chất lượng của sản phẩm.

- * Công ty luôn đề cao vai trò các đại lý và các nhà cung cấp luôn là những đối tác quan trọng.
- * Tạo môi trường nuôi dưỡng và phát triển nhân tài, thực hiện chính sách nội địa hóa lãnh đạo và lực lượng cán bộ nòng cốt.
- * Trách nhiệm góp phần phát triển cộng đồng.

II. Báo cáo của HĐQT :

1. Hoạt động của HĐQT năm 2013:

- Năm 2013 HĐQT Công ty đã cố gắng hoàn thành các chỉ tiêu cơ bản ĐHĐCD thường niên và bất thường năm 2013 đã đề ra. Trong năm 2013 dù đứng trước sự khó khăn của tình hình kinh tế nhưng với sự nỗ lực không ngừng của đội ngũ cán bộ nhân viên, chiến lược kinh doanh vững vàng của cấp lãnh đạo cùng với sự ủng hộ của toàn thể cổ đông nên Công ty cũng gặt hái thành quả trong năm 2013.

2. Kế hoạch năm 2014

2.1. Quản lý doanh nghiệp

- + Tuân thủ Pháp luật Việt Nam
- + Không ngừng nâng cao hiệu quả công tác điều hành, quản lý.
- + Tăng cường đào tạo các cán bộ Việt Nam thực hiện chính sách nội địa hóa lãnh đạo và lực lượng cán bộ nòng cốt.
- + Tiếp tục đào tạo nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ công nhân và nhân viên chuyên trách. Tăng cường, củng cố và không ngừng bồi dưỡng năng lực lãnh đạo của những người đứng đầu, từng bước kiện toàn bộ máy hoạt động của Công ty.

2.2. Phương hướng mở rộng sản xuất

Nhằm tăng năng lực sản xuất, cải tiến mẫu mã, nâng cao chất lượng sản phẩm, đầu tư công nghệ mới hiện đại, giảm giá thành, tăng năng lực cạnh tranh cụ thể:

- + Đẩy mạnh sản xuất hàng cao cấp
- + Nâng cao tỷ lệ hàng loại I
- + Nâng cao năng lực sản xuất và công suất hoạt động.
- + Đầu tư MMTB, nguyên vật liệu, nhân lực... cho ra những sản phẩm có chất lượng cao, mẫu mã kiêu dáng đẹp phù hợp với nhu cầu ngày càng cao của thị trường trong nước lẫn xuất khẩu.

2.3. Phương hướng kinh doanh

+ Mở rộng phát triển thị trường nội địa và xuất khẩu, phấn đấu đạt 60% doanh thu xuất khẩu và 40% nội địa trong năm 2013.

- + Phấn đấu sản lượng đạt 4.000.000 m².
- + Doanh thu thuần đạt 450.000.000.000 VND
- + Lợi nhuận sau thuế đạt 11.500.000.000 VND
- + Xây dựng thương hiệu vững mạnh, nâng cao tỷ lệ chiếm giữ thị phần.
- + Đẩy mạnh công tác tư tưởng văn hóa tại công ty, chăm lo đời sống văn hóa tinh thần cho cán bộ công nhân viên, phát huy tinh thần sáng tạo trong sản xuất, đoàn kết trong tập thể, chung sức thi đua lập thành tích không ngừng nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh để cùng nhau hoàn thành thắng lợi các mục tiêu mà lãnh đạo Công ty đã đề ra.

2.4. Về việc vay vốn Ngân hàng

Trong năm 2014, Công ty giữ hạn mức tín dụng ngắn hạn 100.000.000.000VND và vay mới hạn mức trung hạn 1.000.000 USD để đầu tư mua sắm máy móc thiết bị.

2.5. Chính sách chất lượng:

Chất lượng sản phẩm luôn được Công ty chú trọng nhằm tạo dựng uy tín và niềm tin lâu dài đối với khách hàng, Công ty luôn thực hiện theo phương châm: "Lấy tín làm gốc; chuyên tâm và chuyên tâm hơn nữa"

Tiếp tục duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2000, chứng nhận hệ thống quản lý và kiểm tra chất lượng này đã được tổ chức UKAS (The United Kingdom Accreditation Service) của Vương Quốc Anh cấp vào ngày 27 tháng 08 năm 2003 phù hợp với đặc thù của Công ty. Công ty luôn hướng nguồn nhân lực tập trung cho việc thỏa mãn các yêu cầu hợp lý của khách hàng. Thực hiện đúng cam kết về chính sách chất lượng, thường xuyên hoàn thiện và đổi mới về chất lượng sản phẩm, các dịch vụ hậu bán hàng, tăng cường các biện pháp marketing phù hợp với thị hiếu tiêu dùng.... vì mục đích cuối cùng là phục vụ khách hàng ngày một tốt hơn.

- HĐQT triển khai quy trình mua hàng hoá MINH BẠCH và hiệu quả, dự đoán nhu cầu, thu mua dự trữ nguyên liệu phục vụ sản xuất.

- Tập trung cải tạo mạnh mẽ và đầu tư cho công tác điều tra thị trường và tổ chức hệ thống phân phối; thực hiện TUÂN THỦ các Quy chế về hoạt động của các đơn vị.

- Có kế hoạch bố trí nhân sự theo công việc hợp lý, hiệu quả, có tính kế thừa, thu hút đào tạo và phát triển cán bộ trẻ và cán bộ chuyên môn, cơ cấu lại Ban lãnh đạo trên tinh thần gọn nhẹ, hiệu quả.

- Đầu tư MMTB, nguyên vật liệu, nhân lực...cho ra những sản phẩm có chất lượng cao, mẫu mã kiêu dáng phù hợp với nhu cầu ngày càng cao của thị trường nội địa cũng như thị trường xuất khẩu.

- Chú trọng công tác tài chính doanh nghiệp, dành nguồn nhân lực thích đáng cho nghiên cứu cải tiến công nghệ, chất lượng sản phẩm.

- Cải thiện điều kiện làm việc và đời sống tinh thần của CBCNV.

HĐQT tin tưởng rằng bằng các biện pháp nâng cao quy mô vốn và năng lực sản xuất của Công ty cũng như đảm bảo hiệu quả hoạt động, Công ty cổ phần Gạch Men Chang Yih đạt được một tầm cao mới trong khi vẫn duy trì được truyền thống, thương hiệu "REX" và thương hiệu "KIS" sẽ là những thương hiệu hàng đầu trong ngành sản xuất gạch men và gạch trang trí mỹ thuật cao cấp.

2.6. Về việc chỉ định công ty kiểm toán cho năm tài chính 2014

Sau khi bàn bạc Hội đồng Quản trị cùng nhất trí chọn Công ty TNHH Kiểm Toán DFK Việt Nam kiểm toán báo cáo tài chính của công ty trong năm 2014.

2.7. Chính sách chia cổ tức:

Năm 2013, năm thứ tám hoạt động theo mô hình cổ phần hóa. Hoạt động kinh doanh có lãi nhưng không đạt được mục tiêu mà ĐHĐCĐ năm 2013 đã đề ra, do vậy HĐQT nhất trí trình Đại hội cổ đông năm 2014 thông qua việc không chia cổ tức năm 2013.

III. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc :

1. Báo cáo tình hình tài chính :

- Khả năng thanh toán ngắn hạn của Công ty vẫn tốt (xem bảng chỉ tiêu đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp ở phần sau).

- Hiệu quả tác nghiệp của Công ty ở mức trung bình.

- Cơ cấu nợ của Công ty ở mức bình thường.

- Những thay đổi về vốn cổ đông :

+ Tổng vốn điều lệ đăng ký của Công ty đến 31/12/2013 : 90.478.550.000 đồng Việt Nam

+ Tổng số cổ phần hiện tại: 9.047.855 cổ phần (mệnh giá : 10.000đ/cổ phần).

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty là cổ phiếu phổ thông. Trong đó cổ phiếu ngân quỹ của Công ty là : 1.430 cổ phần.

- Cổ tức năm 2013 : năm 2013 công ty không chia cổ tức cho cổ đông.

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2013 :

Tổng quan :

- Năm 2013 là năm thứ tám công ty hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, Bộ máy tổ chức và tư duy tổ chức của Công ty có nhiều thay đổi, các quy chế được rà soát điều chỉnh theo hướng minh bạch, hợp lý. Diện mạo Công ty (Logo, nhãn hiệu, bao bì sản phẩm) được giới thiệu đến người tiêu dùng, phong cách quản trị mới được xây dựng và hình thành trong CBCNV Công ty.

- Các dự án đầu tư hiện đại hóa cơ sở vật chất kỹ thuật cho Công ty, tăng cường năng lực chế biến đã bắt đầu được triển khai mạnh mẽ.

- Sản phẩm mang thương hiệu “KIS” của Công ty là sản phẩm cao cấp đã được người tiêu dùng trong nước và ngoài nước đón nhận và ngày càng phát triển.

Thực hiện SXKD năm 2013 :

Phần I : BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2012
TÀI SẢN NGẮN HẠN	227,871,958,425	238,350,273,437
Tiền và các khoản tương đương tiền	11,711,650,221	4,187,567,859
Tiền	11,711,650,221	4,187,567,859
Các khoản tương đương tiền		
Các khoản phải thu	25,422,446,314	43,058,565,537
Phải thu của khách hàng	35,441,977,412	45,070,300,852
Trả trước cho người bán	7,096,328,873	6,743,047,737
Các khoản phải thu khác	1,283,243,846	1,833,577,437
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	-18,399,103,817	-10588360489
Hàng tồn kho	181,263,655,892	184,378,314,090
Hàng tồn kho	196,290,202,172	193,511,673,666
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-15,026,546,280	-9,133,359,576
Tài sản ngắn hạn khác	9,474,205,998	6,725,825,951
Chi phí trả trước ngắn hạn	7,190,989,412	4,290,836,181
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	565,488,084	1,394,356,846
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	673,218,968	170,354,561
Tài sản ngắn hạn khác	1,044,509,534	870,278,363
TÀI SẢN DÀI HẠN	96,785,611,593	99,112,665,646
Tài sản cố định	88,851,017,279	92,979,365,493
Tài sản cố định hữu hình	81,345,921,032	92,835,280,417
<i>Nguyên giá</i>	291,359,780,254	289,228,842,942
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	-210,013,859,222	-196,393,562,525
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	7,505,096,247	144,085,076
Tài sản dài hạn khác	7,934,594,314	6,133,300,153
Chi phí trả trước dài hạn	7,934,594,314	6,133,300,153
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	324,657,570,018	337,462,939,083
NỢ PHẢI TRẢ	208,120,599,303	230,537,550,179
Nợ ngắn hạn	132,378,359,303	143,164,463,266
Vay và nợ ngắn hạn	51,471,017,275	47,145,745,544
Phải trả người bán	56,466,401,409	78,215,809,567
Người mua trả tiền trước	11,328,541,139	6,623,360,607
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	779,984,583	896,318,613
Phải trả người lao động	2,792,617,670	2,115,097,733
Chi phí phải trả	8,922,379,585	7,368,798,043
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	617,417,642	799,333,159
Nợ dài hạn	75,742,240,000	87,373,086,913
Phải trả dài hạn khác		6,825,000,000

Vay và nợ dài hạn	75,742,240,000	80,268,272,276
Dự phòng trợ cấp mất việc làm		279,814,637
NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	116,536,970,715	106,925,388,904
Vốn chủ sở hữu	116,536,970,715	106,925,388,904
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	90,478,550,000	90,478,550,000
Thặng dư vốn cổ phần	829,809,325	829,809,325
Cổ phiếu quỹ	-18,309,325	-18,309,325
Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	25,246,920,715	15,635,338,904
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	324,657,570,018	337,462,939,083

Phần II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2012
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	377,499,443,436	304,368,405,330
Các khoản giảm trừ doanh thu	2,539,717,482	1,671,011,153
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	374,959,725,954	302,697,394,177
Giá vốn hàng bán	322,669,644,884	255,020,708,053
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	52,290,081,070	47,676,686,124
Doanh thu hoạt động tài chính	949,872,323	328,723,491
Chi phí tài chính	9,732,430,319	11,082,437,537
Trong đó: chi phí lãi vay	7,454,006,426	10,895,677,447
Chi phí bán hàng	13,621,653,974	13,606,870,433
Chi phí quản lý doanh nghiệp	19,528,928,555	19,091,414,535
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	10,356,940,545	4,224,687,110
Thu nhập khác	2,555,255,147	1,278,153,090
Chi phí khác	1,216,165,096	1,716,278,227
Lợi nhuận khác	1,339,090,051	-438,125,137
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11,696,030,596	3,786,561,973
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2,084,388,785	1,060,395,490
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	0	585,878,568
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9,611,641,811	2,140,287,915
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,062	237

Phần III. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2012
1. Bố trí cơ cấu tài sản - nguồn vốn (%)		
- Tài sản ngắn hạn/ Tổng số Tài sản	70.19%	70.63%
- Tài sản dài hạn / Tổng số Tài sản	29.81%	29.37%
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	64.10%	68.31%
- Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng số Tài sản	35.90%	31.69%
2. Khả năng thanh toán (LÃN)		
- Khả năng thanh toán hiện hành	1.72	1.66
- Khả năng thanh toán nhanh	0.35	0.38
3. Tỷ suất sinh lời(%)		

- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	3.12%	1.25%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	2.56%	0.71%
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên Tổng tài sản	3.60%	1.12%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên Tổng tài sản (ROA)	2.96%	0.63%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE)	8.25%	2.00%

3. Những tiến bộ Công ty đã đạt được:

- Đã tổ chức lại bộ máy, chuyển đổi, xây dựng và hoàn thiện các quy chế, đặc biệt là quy chế về quản lý chất lượng toàn Công ty, triển khai thực hiện và tăng cường công tác quản lý, giám giá thành sản phẩm.

- Thay đổi tư duy kinh doanh lấy thị trường làm trung tâm. Xác định lại chiến lược kinh doanh, định vị lại sản phẩm trên cơ sở phân tích lợi thế cạnh tranh của Công ty.

- Nâng cao năng lực sản xuất, từng bước trang bị thêm máy móc, thiết bị công nghệ mới nâng cấp xưởng sản xuất đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường.

- Xác định Tâm nhìn-Sứ mệnh-Giá trị cốt lõi của thương hiệu, từng bước xây dựng một nền văn hoá doanh nghiệp lấy sự minh bạch, chất lượng và hợp tác làm nền tảng.

- Đã đưa ra thị trường một số sản phẩm cao cấp với quy cách mới góp phần cải thiện thương hiệu, hình ảnh công ty.

- Cải thiện môi trường làm việc, xây dựng nguồn nhân lực theo định hướng đảm bảo cho sự phát triển lâu dài và bền vững của Công ty.

IV. Bản giải trình báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán :

1. Kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Kiểm Toán DFK Việt Nam (DFK)

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Gạch Men Chang Yih (gọi tắt là "Công ty") gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 28 tháng 3 năm 2014, từ trang 4 đến trang 22 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn

dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Kiểm toán nội bộ: không có.

Báo cáo thường niên này được lập trên cơ sở số liệu của báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Gạch Men Chang Yih do Công ty TNHH Kiểm Toán DFK Việt Nam (DFK) và Công ty đã báo cáo các cơ quan chức năng theo quy định.

V. Kế hoạch SXKD năm 2014:

CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH SX-KD NĂM 2014

Chỉ tiêu	Đvt	KH năm 2014
<u>I. Tổng Doanh số tiêu thụ</u>	đồng	450.000.000.000
<u>II. Tiền lương</u>		
1. Tổng quỹ lương	đồng	32.500.000.000
2. Thu nhập bình quân	đ/người/tháng	6.000.000
<u>II. Lợi nhuận</u>		
- Trước thuế	đồng	13.529.411.765
- Sau thuế	đồng	11.500.000.000

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ 2013

(Nguồn vốn khẩu hao, vay các tổ chức tín dụng) ĐVT: đồng

STT	Hạng mục - Quy cách	Đvt	KH 2014	Ghi chú
I	XÂY DỰNG CƠ BẢN	USD	0	

II MÁY MÓC THIẾT BỊ	USD	1.000.000
Cộng I và II	USD	1.000.000

PHƯƠNG ÁN HUY ĐỘNG VỐN VÀ CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRONG NĂM 2014:

Hội Đồng Quản Trị công ty đã thống nhất ý kiến mua sắm máy móc thiết bị mới trong năm 2014 là 1.000.000 USD.

Công ty huy động vốn vay của các tổ chức tín dụng để mua nguyên vật liệu sản xuất trong năm 2014 và vay mua sắm mới máy móc thiết bị.

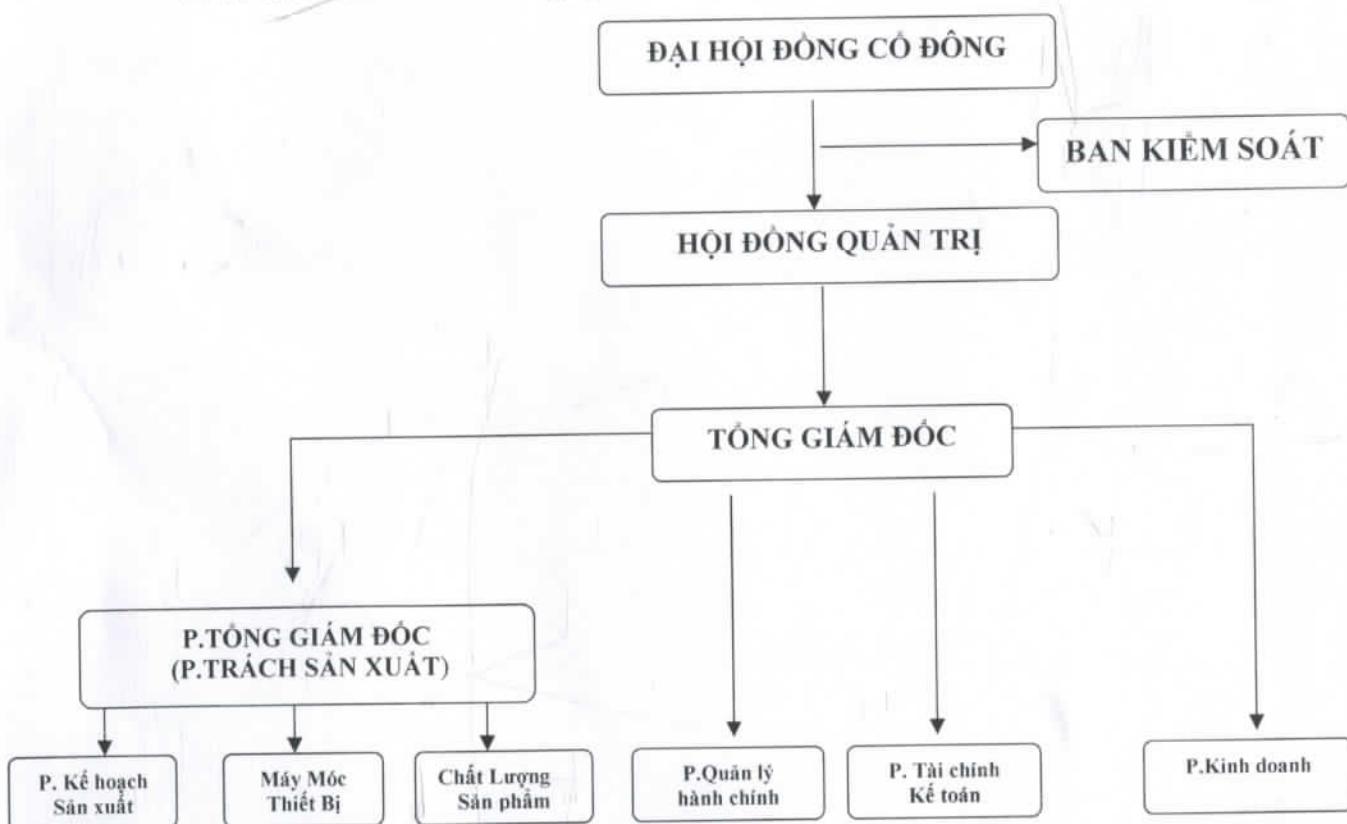
VI.Các Công ty có liên quan:

1. Hiện tại Công ty CHYIH INVESTMENT nắm giữ 78% và các tổ chức cá nhân khác nắm giữ 22% vốn cổ phần của Công ty Cổ Phần Gạch Men Chang Yih.

2. Công ty cổ phần Gạch Men Chang Yih hiện không nắm giữ cổ phần của bất cứ Công ty nào khác.

VII.Tổ chức nhân sự :

1. Cơ cấu tổ chức của Công ty:



2. Thay đổi trong HĐQT và Ban TGĐ:

Thành viên HĐQT và Ban kiểm soát trong năm 2013 có thay đổi như sau:

- Thành viên HĐQT bà Đỗ Thị Ánh Tuyết từ nhiệm và được thay thế là Ông Hung Kuang Ching tại kỳ Đại Hội cổ đông năm 2013

- Thành viên BKS Ông Ngàn Quốc Phong từ nhiệm và sẽ bầu cử thành viên thay thế tại kỳ đại hội cổ đông năm 2014

3. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với Người lao động :

a) Lao động : Tổng số CBCNV tính đến 31-12-2013 là: 433 người.

Trong đó : Nam : 335 người. Nữ : 98 người.

b) Thực hiện chính sách đối với người lao động :

* Thu nhập bình quân đầu người năm 2013 : 5.823.828 đồng/người/tháng.

* Công ty tham gia bảo hiểm (bao gồm BHXH,BHYT&BHTN) cho toàn bộ lao động có hợp đồng lao động. Tổng số tiền đóng BHXH, BHYT, BHTN năm 2013 là : 3.669.946.020 đồng.

Ngoài ra Công ty có KTX dành cho những anh chị em cán bộ công nhân viên ở xa.

VIII.Thông tin cổ đông và quản trị Công ty :

1. Hội đồng quản trị/Chủ tịch và Ban kiểm soát

1.1. Thành viên và cơ cấu của HĐQT

- Ông Chen Hui Zun : Chủ tịch Hội đồng Quản trị (kiêm Tổng Giám Đốc)
- Ông Lee Mo Ting : Ủy viên Hội đồng Quản trị
- Ông Tsai Ching Feng : Ủy viên Hội đồng Quản trị
- Bà Đầm Thị Vân Anh : Ủy viên Hội đồng Quản trị
- Ông Hung Kuang Ching : Ủy viên Hội đồng Quản trị

1.2.Thành viên Ban Kiểm soát:

- Ông Tseng Sen Hsien : Trưởng Ban Kiểm soát
- Bà Nguyễn Thị Linh : Thành viên Ban Kiểm soát.

2. Thủ lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên HĐQT và thành viên Ban kiểm soát

2.1 Thành viên HĐQT: Tổng mức thù lao cho HĐQT sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên HĐQT theo thỏa thuận trong Hội đồng hoặc nếu không thỏa thuận thì được chia đều. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên HĐQT được ghi trong báo cáo thường niên của Công ty. Các thành viên HĐQT có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên HĐQT của mình.

2.2 Thành viên Ban kiểm soát: Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.



TỔNG GIÁM ĐỐC

HUNG KUANG CHING

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN
TP.HỒ CHÍ MINH

ĐẾN Số: 10335
Ngày: 31/3/14
Chuyển:
Lưu hồ sơ số:

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN CHANG YIH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN CHANG YIH

Khu Công nghiệp Nhơn Trạch I, Huyện Nhơn Trạch,
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

MỤC LỤC

NỘI DUNG

TRANG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1 - 2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

3

BẢNG CÂN ĐÔI KÊ TOÁN

4 - 5

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6

BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

7

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

8 - 21

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Gạch Men Chang Yih (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị:

Ông Chen Hui Zun	Chủ tịch
Ông Lee Mo Ting	Thành viên
Ông Tsai Ching Feng	Thành viên
Bà Đàm Thị Vân Anh	Thành viên
Ông Hung Kuang Ching	Thành viên (bắt nhiệm ngày 25/06/2013)
Bà Đỗ Thị Ánh Tuyết	Thành viên (từ nhiệm ngày 25/06/2013)

Ban Kiểm soát:

Ông Tseng Sen Hsien	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Linh	Thành viên
Ông Ngân Quốc Phong	Thành viên (miễn nhiệm từ ngày 22/8/2013)

Ban Giám đốc:

Ông Chen Hui Zun	Tổng Giám đốc (từ nhiệm ngày 01/01/2014)
Ông Hung Kuang Ching	Tổng Giám đốc (bắt nhiệm ngày 01/01/2014)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN CHANG YIH
Khu Công nghiệp Nhơn Trạch I, Huyện Nhơn Trạch,
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng Quản Trị,


CHEN HUI ZUN
Chủ tịch HĐQT
Ngày 28 tháng 3 năm 2014

Số: 01/DFK-HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Gạch men Chang Yih

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Gạch Men Chang Yih (gọi tắt là "Công ty") gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 28 tháng 3 năm 2014, từ trang 4 đến trang 22 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

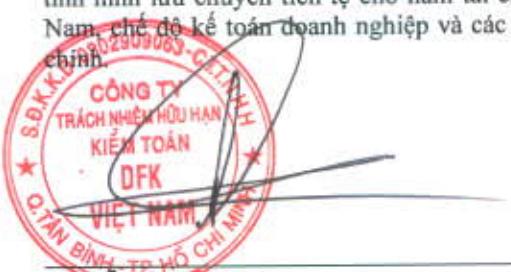
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Lương Nhân
Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề Kiểm toán viên
số 0182-2013-042-1

Thay mặt và đại diện cho:
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DFK VIỆT NAM
Ngày 28 tháng 3 năm 2014
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Nguyễn Anh Tuấn
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
Kiểm toán viên số 0985-2013-042-1

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN CHANG YIH

Khu Công Nghiệp Nhơn Trạch I, H. Nhơn Trạch,
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU B 01-DN
Đơn vị: VNĐ

TAI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		227.871.958.425	238.350.273.437
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	11.711.650.221	4.187.567.859
1. Tiền	111		11.711.650.221	4.187.567.859
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	5	25.422.446.314	43.058.565.536
1. Phải thu khách hàng	131		35.441.977.412	45.070.300.852
2. Trả trước cho người bán	132		7.096.328.873	6.743.047.737
5. Các khoản phải thu khác	135		1.283.243.846	1.833.577.437
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(18.399.103.817)	(10.588.360.490)
III. Hàng tồn kho	140	6	181.263.655.892	184.378.314.091
1. Hàng tồn kho	141		196.290.202.172	193.511.673.666
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(15.026.546.280)	(9.133.359.575)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.474.205.998	6.725.825.951
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	7	7.190.989.412	4.290.836.181
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		565.488.084	1.394.356.846
3. Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	153		673.218.968	170.354.561
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.044.509.534	870.278.363
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		96.785.611.593	99.112.665.646
I. Tài sản cố định	220		88.851.017.279	92.979.365.493
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	81.345.921.032	92.835.280.417
Nguyên giá	222		291.359.780.254	289.228.842.942
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(210.013.859.222)	(196.393.562.525)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	7.505.096.247	144.085.076
II. Tài sản dài hạn khác	260		7.934.594.314	6.133.300.153
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	7.934.594.314	6.133.300.153
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		324.657.570.018	337.462.939.083

BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU B 01-DN
 ĐVT: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		208.120.599.303	230.537.550.179
I. Nợ ngắn hạn	310		132.378.359.303	143.164.463.266
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	11	51.471.017.275	47.145.745.544
2. Phải trả người bán	312	12	56.466.401.409	78.215.809.567
3. Người mua trả tiền trước	313		11.328.541.139	6.623.360.607
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	779.984.583	896.318.613
5. Phải trả công nhân viên	315		2.792.617.670	2.115.097.733
6. Chi phí phải trả	316	14	8.922.379.585	7.368.798.043
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	617.417.642	799.333.159
II. Nợ dài hạn	330		75.742.240.000	87.373.086.913
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	6.825.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	16	75.742.240.000	80.268.272.276
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	279.814.637
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		116.536.970.715	106.925.388.904
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	116.536.970.715	106.925.388.904
1. Vốn điều lệ	411		90.478.550.000	90.478.550.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		829.809.325	829.809.325
4. Cổ phiếu quỹ	414		(18.309.325)	(18.309.325)
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		25.246.920.715	15.635.338.904
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		324.657.570.018	337.462.939.083

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐÓI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ		-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý		6.694.708.380	6.595.232.911
Ngoại tệ các loại (USD)		386.776,08	124.616,44
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-



HUNG KUANG CHING
 Tổng Giám đốc
 Ngày 28 tháng 3 năm 2014

LÊ THỊ MỸ DUNG
 Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ HỒNG PHÚC
 Lập biếu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU B 02-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2013	2012
1. Doanh thu bán hàng	01		377.499.443.436	304.368.405.330
2. Các khoản giảm trừ doanh thu <i>Chiết khấu thương mại</i> <i>Hàng bán bị trả lại</i> <i>Giảm giá hàng bán</i>	02		(2.539.717.482) (1.488.055.086) (23.324.223) (1.028.338.173)	(1.671.011.153) - (246.549.470) (1.424.461.683)
3. Doanh thu thuần bán hàng	10	19	374.959.725.954	302.697.394.177
4. Giá vốn hàng bán	11	20	(322.669.644.884)	(255.020.708.053)
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		52.290.081.070	47.676.686.124
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	949.872.323	328.723.491
7. Chi phí hoạt động tài chính <i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	22	22	(9.732.430.319)	(11.082.437.537)
	23		(7.454.006.426)	(10.895.677.447)
8. Chi phí bán hàng	24	23	(13.621.653.974)	(13.606.870.433)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	24	(19.528.928.555)	(19.091.414.535)
10. Lãi từ hoạt động kinh doanh	30		10.356.940.545	4.224.687.110
11. Thu nhập khác	31		2.555.255.147	1.278.153.090
12. Chi phí khác	32		(1.216.165.096)	(1.716.278.227)
13. Lợi nhuận khác	40	25	1.339.090.051	(438.125.137)
14. Lãi kế toán trước thuế	50		11.696.030.596	3.786.561.973
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	51	27	(2.084.388.785)	(1.646.274.058)
16. Lãi sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		9.611.641.811	2.140.287.915
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	61		1.062	237



HUNG KUANG CHING
 Tổng Giám đốc
 Ngày 28 tháng 3 năm 2014

LÊ THỊ MỸ DUNG
 Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ HỒNG PHÚC
 Lập biếu

BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU B 03-DN
 Đơn vị: VND

CHI TIẾU	Mã số	2013	2012
I, LUU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH			
1, Lãi trước thuế	01	11.696.030.596	3.786.561.973
2, Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	14.705.188.675	16.016.010.101
Các khoản dự phòng	03	13.703.930.032	14.540.117.167
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá	04	820.894.939	1.819.164
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	96.068.991	70.799.323
Chi phí lãi vay	04	7.454.006.426	10.895.677.447
3, Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	48.476.119.659	45.310.985.175
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	3.152.149.079	6.110.139.794
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(2.368.279.391)	(3.211.739.358)
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả	11	(16.173.941.231)	7.528.528.776
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	22.361.483	4.937.385.067
Tiền lãi vay đã trả	13	(7.432.060.394)	(8.278.863.047)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(1.323.643.917)	(1.230.750.051)
Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	15	-	124.200.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	-	(1.042.523.003)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	24.352.705.288	50.247.363.353
II, LUU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1, Tiền chi để mua sắm TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(15.822.677.657)	(2.062.155.194)
7, Tiền thu lãi cho vay, cổ tức nhận được	27	15.710.215	27.754.710
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(15.806.967.442)	(2.034.400.484)
III, LUU CHUYÊN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI			
3, Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	275.867.818.065	214.232.254.868
4, Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(276.889.473.549)	(263.861.501.019)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.021.655.484)	(49.629.246.151)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	7.524.082.362	(1.416.283.282)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4.187.567.859	5.624.147.403
Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá hối đoái	61	-	(20.296.262)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	11.711.650.221	4.187.567.859



HUNG KUANG CHING
 Tổng Giám đốc
 Ngày 28 tháng 3 năm 2014

LÊ THỊ MỸ DUNG
 Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ HỒNG PHÚC
 Lập biếu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

MẪU B 09-DN

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Gạch Men Chang Yih ("Công ty") được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 472033000269 ngày 19 tháng 10 năm 2007 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Đồng Nai cấp (thay thế cho Giấy phép Đầu tư số 52/GP-KCN-ĐN ngày 01 tháng 9 năm 2000 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Đồng Nai cấp và Giấy phép Đầu tư số 52CPH/GP-KCN-ĐN ngày 06 tháng 02 năm 2006 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp). Thời gian hoạt động của Công ty là 47 năm kể từ ngày 01 tháng 09 năm 2000.

Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh từ ngày 06 tháng 02 năm 2006 theo Giấy phép số 51/UBCK-GPNY ngày 21 tháng 6 năm 2005 do Chủ tịch UBCK Nhà nước cấp.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 416 người (01/01/2013: 353 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất các loại gạch men và gạch mỹ thuật trang trí chất lượng cao; xây dựng công trình dân dụng.

Trụ sở của Công ty đặt tại Khu Công nghiệp Nhơn Trạch I, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu, các khoản đầu tư và các tài sản tài chính khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

MẪU B 09-DN

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác và công nợ tài chính khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn dưới 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05-25
Phương tiện vận tải truyền dẫn	05-12
Thiết bị dụng cụ quản lý	03-10
Máy móc, thiết bị	05-12

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, công trình showroom và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các khoản chi phí trả trước dài hạn được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian: công cụ, dụng cụ: 12 tháng; công trình showroom: 10 năm; và chi phí sửa chữa TSCĐ: từ 18 - 48 tháng.

Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán cổ phiếu được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở đòn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bằng cân đối kê toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan tới khoản mục ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tuỳ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2013 <u>VND</u>	01/01/2013 <u>VND</u>
Tiền mặt	3.575.962	84.997.679
Tiền gửi ngân hàng	11.688.197.219	4.003.170.180
+ VND	3.553.940.783	1.407.726.270
+ Ngoại tệ	8.134.256.436	2.595.443.910
Tiền đang chuyển	19.877.040	99.400.000
	11.711.650.221	4.187.567.859

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

MẪU B 09-DN

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải thu khách hàng	35.441.977.412	45.070.300.851
+ khách hàng nước ngoài	10.670.240.687	13.337.893.800
+ khách hàng trong nước	24.771.736.725	31.732.407.051
Trả trước cho người bán	7.096.328.873	6.743.047.738
+ khách hàng nước ngoài	4.752.425.780	5.698.390.789
+ khách hàng trong nước	2.343.903.093	1.044.656.949
Phải thu khác	1.283.243.846	1.833.577.437
	<u>43.821.550.131</u>	<u>53.646.926.026</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn	(18.399.103.817)	(10.588.360.490)
	<u>25.422.446.314</u>	<u>43.058.565.536</u>

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2013	01/01/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hàng mua đang đi đường	1.425.000	9.773.871.101
Nguyên vật liệu	33.630.498.916	36.138.039.453
Công cụ dụng cụ	377.719.648	427.607.931
Chi phí sản xuất dở dang	5.920.774.937	5.726.849.260
Thành phẩm	156.359.783.671	141.445.305.921
	<u>196.290.202.172</u>	<u>193.511.673.666</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(15.026.546.280)	(9.133.359.575)
	<u>181.263.655.892</u>	<u>184.378.314.091</u>

Một phần thành phẩm tồn kho trị giá 80.000.000.000 VND của Công ty đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Nhơn Trạch (trình bày tại Thuyết minh số 11).

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	2013	2012
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại ngày 01/01	4.290.836.181	5.903.494.748
Tăng trong năm	24.750.077.165	12.365.237.464
Phân bổ vào chi phí trong năm	(21.492.137.025)	(13.977.896.031)
Kết chuyển sang CP trả trước dài hạn	(357.786.909)	-
Tại ngày 31/12	<u>7.190.989.412</u>	<u>4.290.836.181</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

8. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa & vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2013	76.019.085.834	207.916.050.434	4.478.146.862	815.559.812	289.228.842.942
Tăng	-	3.628.817.109	-	46.800.000	3.675.617.109
Phân loại lại	(25.037.618)	(830.778.656)	-	(201.099.715)	(1.056.915.989)
Thanh lý	-	-	(487.763.808)	-	(487.763.808)
Tại ngày 31/12/2013	<u>75.994.048.216</u>	<u>210.714.088.887</u>	<u>3.990.383.054</u>	<u>661.260.097</u>	<u>291.359.780.254</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2013	(22.880.553.786)	(170.133.359.325)	(2.749.879.643)	(629.769.771)	(196.393.562.525)
Khấu hao trong năm	(3.084.954.236)	(11.190.458.570)	(388.331.869)	(41.444.000)	(14.705.188.675)
Phân loại lại	25.037.634	528.848.264	-	155.021.478	708.907.376
Thanh lý	-	-	375.984.602	-	375.984.602
Tại ngày 31/12/2013	<u>(25.940.470.388)</u>	<u>(180.794.969.631)</u>	<u>(2.762.226.910)</u>	<u>(516.192.293)</u>	<u>(210.013.859.222)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2013	<u>53.138.532.048</u>	<u>37.782.691.109</u>	<u>1.728.267.219</u>	<u>185.790.041</u>	<u>92.835.280.417</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>50.053.577.828</u>	<u>29.919.119.256</u>	<u>1.228.156.144</u>	<u>145.067.804</u>	<u>81.345.921.032</u>

Như trình bày tại các Thuyết minh số 11, Công ty đã thế chấp một phần nhà xưởng và vật kiến trúc, máy móc và thiết bị có giá trị còn lại là 69.032.287.205 VND để đảm bảo cho các khoản nợ vay tại ngân hàng.

Tài sản cổ định của Công ty bao gồm một số máy móc, thiết bị đã khấu hao hết nhưng vẫn còn đang sử dụng với nguyên giá là 135.455.020.778 VND.

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN ĐỞ DÀNG

	2013 VND	2012 VND
Tại ngày 01/01	144.085.076	1.358.934.251
Tăng trong năm	14.469.278.408	1.747.305.139
Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	(2.322.217.860)	(621.061.003)
Kết chuyển sang chi phí trả trước	(4.375.800.262)	(1.814.369.365)
Giảm khác	(410.249.115)	(526.723.946)
Tại ngày 31/12	<u>7.505.096.247</u>	<u>144.085.076</u>

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	2013 VND	2012 VND
Tại ngày 01/01	6.133.300.153	7.643.657.288
Tăng trong năm	6.514.067.531	4.447.895.693
Phân bổ vào chi phí trong năm	(4.712.773.370)	(5.857.502.828)
Giảm khác	-	(100.750.000)
Tại ngày 31/12	<u>7.934.594.314</u>	<u>6.133.300.153</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH MEN CHANG YIH

Khu Công Nghiệp Nhơn Trạch I, H. Nhơn Trạch,
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

MẪU B 09-DN

11. VAY VÀ NỢ NGÂN HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngân hàng Vietcombank – Chi nhánh Nhơn Trạch	36.535.457.275	29.770.778.008
Nợ dài hạn đến hạn trả:	14.935.560.000	17.374.967.536
<i>Chyih Investment Co., Ltd</i>	<i>14.935.560.000</i>	<i>15.412.720.000</i>
<i>Ngân hàng TNHH Indovina</i>	<i>-</i>	<i>1.962.247.536</i>
	<u>51.471.017.275</u>	<u>47.145.745.544</u>

Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) – Chi nhánh Nhơn Trạch theo hình thức tín dụng thư. Khoản vay này có thể rút bằng VND hoặc USD với hạn mức tối đa là 100.000.000.000 VND và sẽ đáo hạn vào ngày 06 tháng 6 năm 2014. Khoản vay này chịu lãi suất theo lãi suất hiện hành của Ngân hàng Vietcombank. Lãi vay được thanh toán hàng tháng. Công ty đã sử dụng máy móc thiết bị và một phần thành phẩm tồn kho để thế chấp cho khoản vay này (xem Thuyết minh số 6 và 8).

12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2013	01/01/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải trả khách hàng:		
+ Nhà cung cấp nước ngoài	17.087.532.049	51.039.094.202
+ Nhà cung cấp trong nước	39.378.869.360	27.176.715.365
	<u>56.466.401.409</u>	<u>78.215.809.567</u>

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2013	01/01/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế Giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	667.228.687
Thuế xuất, nhập khẩu	-	133.386.896
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	718.943.639	-
Thuế Thu nhập cá nhân	61.040.944	95.703.030
Các loại thuế khác	<u>779.984.583</u>	<u>896.318.613</u>

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2013	01/01/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí hao bé, hỗ trợ khách hàng	2.084.066.637	1.797.306.521
Chi phí lãi vay phải trả	5.519.823.554	5.497.877.522
Chi phí khác	<u>1.318.489.394</u>	<u>73.614.000</u>
	<u>8.922.379.585</u>	<u>7.368.798.043</u>

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGÂN HẠN KHÁC

	31/12/2013	01/01/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tài sản thừa chờ xử lý	132.846.357	31.958.545
Kinh phí công đoàn	14.385.925	9.855.583
Bảo hiểm xã hội	63.494.950	11.963.806
Phải trả khác	<u>406.690.410</u>	<u>745.555.225</u>
	<u>617.417.642</u>	<u>799.333.159</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

MẪU B 09-DN

16. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2013	01/01/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ông Chen Hui Zun	16.000.000.000	16.000.000.000
Ngân hàng TNHH Indovina	-	2.617.392.276
Vay dài hạn Chyih Investment Co., Ltd.	59.742.240.000	61.650.880.000
	<u>75.742.240.000</u>	<u>80.268.272.276</u>

Khoản vay cá nhân Ông Chen Hui Zun theo hợp đồng vay vốn cá nhân ngày 01 tháng 8n năm 2012, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày 01/8/2012 đến 31/7/2017 với lãi suất 14,5% năm.

Khoản vay 4.000.000,00 USD từ Công ty Chyih Investment Co., Ltd. theo Hợp đồng CYI/TL/05/01 ngày 10 tháng 7 năm 2001 và Phụ lục Hợp đồng PL201305/CYI/TL/05/01 ngày 12/5/2013 với lãi suất 3%/năm để bổ sung vốn hoạt động, thời hạn vay từ 13/5/2013 đến 12/5/2018. Khoản vay này đã đăng ký và được chấp thuận bởi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại Công văn số 1644/CV-QLNH ngày 08 tháng 11 năm 2001 và Công văn số 600/NHNN-ĐNA1 ngày 06 tháng 6 năm 2013 bởi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh tỉnh Đồng Nai.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2013	01/01/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	14.935.560.000	17.374.967.536
Trong năm thứ hai	14.935.560.000	17.374.967.536
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	60.806.680.000	62.893.304.740
Sau năm năm	<u>-</u>	<u>-</u>
	<u>90.677.800.000</u>	<u>97.643.239.812</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	<u>(14.935.560.000)</u>	<u>(17.374.967.536)</u>
Số phải trả sau 12 tháng	<u>75.742.240.000</u>	<u>80.268.272.276</u>

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn điều lệ	Thặng dư		Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>			
Tại ngày 01/01/2012	90.478.550.000	829.809.325	(18.309.325)	13.495.050.990	104.785.100.990
Lợi nhuận	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>2.140.287.914</u>	<u>2.140.287.914</u>
Cổ tức	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Tại ngày 01/01/2013	<u>90.478.550.000</u>	<u>829.809.325</u>	<u>(18.309.325)</u>	<u>15.635.338.904</u>	<u>106.925.388.904</u>
Lợi nhuận	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>9.611.641.811</u>	<u>9.611.641.811</u>
Cổ tức	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
Giảm khác	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>(60.000)</u>	<u>(60.000)</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>90.478.550.000</u>	<u>829.809.325</u>	<u>(18.309.325)</u>	<u>25.246.920.715</u>	<u>116.536.970.715</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

MẪU B 09-DN

18. CỔ PHIẾU

<i>Cổ phiếu</i>	31/12/2013	01/01/2013
	<i>Cổ phiếu</i>	<i>Cổ phiếu</i>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	41.639	41.639
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.047.855	9.047.855
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.047.855	9.047.855
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	1.430	1.430
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.430	1.430
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.046.425	9.046.425
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.046.425	9.046.425
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VNĐ

19. DOANH THU

	2013	2012
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Trong đó:		
- Doanh thu xuất khẩu	192.640.612.220	143.645.697.755
- Doanh thu nội địa	183.948.436.855	160.555.649.665
- Doanh thu khác	910.394.361	167.057.910
	<u>377.499.443.436</u>	<u>304.368.405.330</u>
Các khoản giảm trừ		
- Chiết khấu thương mại	(1.488.055.086)	-
- Hàng bán bị trả lại	(23.324.223)	(246.549.470)
- Giảm giá hàng bán	(1.028.338.173)	(1.424.461.683)
	<u>374.959.725.954</u>	<u>302.697.394.177</u>

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2013	2012
	VND	VND
Giá vốn hàng bán		
Trong đó:		
- Giá vốn của thành phẩm	316.776.458.179	251.068.951.375
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	5.893.186.705	3.951.756.678
	<u>322.669.644.884</u>	<u>255.020.708.053</u>

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2013	2012
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	15.710.215	27.754.710
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	144.592.089	32.489.570
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	789.570.019	268.479.211
	<u>949.872.323</u>	<u>328.723.491</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

MẪU B 09-DN

22. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Chi phí lãi vay	7.454.006.426	10.895.677.447
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.382.849.424	34.308.734
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	895.574.469	152.451.356
	<u>9.732.430.319</u>	<u>11.082.437.537</u>

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Chi phí lương nhân viên	1.291.837.909	1.061.412.114
Chi phí vật liệu, bao bì	1.836.046.162	1.696.590.783
Chi phí khấu hao	58.594.599	65.607.624
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.796.738.046	7.709.640.457
Chi phí khác bằng tiền	3.638.437.258	3.073.619.455
	<u>13.621.653.974</u>	<u>13.606.870.433</u>

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Chi phí Nhân viên quản lý	4.741.982.547	3.222.520.256
Chi phí dự phòng	7.836.511.972	10.588.360.489
Chi phí đồ dùng văn phòng	713.268.710	649.545.941
Chi phí khấu hao TSCĐ	654.768.288	661.111.756
Thuế, phí và lệ phí	185.889.035	40.441.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.864.253.593	2.586.880.947
Chi phí khác	2.532.254.410	1.342.554.146
	<u>19.528.928.555</u>	<u>19.091.414.535</u>

25. LỢI NHUẬN KHÁC

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Thu từ thanh lý tài sản cố định	595.857.727	-
Hoàn thuế nhập khẩu	1.077.243.705	360.951.298
Xử lý công nợ	188.095.001	317.590.683
Khác	694.058.714	599.611.109
Thu nhập khác	2.555.255.147	1.278.153.090
Phạt chậm nộp thuế, vi phạm hành chính	(585.777.483)	(24.500.000)
Giá trị còn lại của Tài sản cố định hủy	(111.779.206)	(98.554.033)
Xử lý công nợ	(397.023.588)	(1.193.558.431)
Khác	(121.584.819)	(399.665.763)
Chi phí khác	(1.216.165.096)	(1.716.278.227)
Lợi nhuận khác	1.339.090.051	(438.125.137)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

MẪU B 09-DN

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YÊU TỐ

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Chi phí nguyên vật liệu	273.232.530.634	198.572.851.230
Chi phí nhân công	35.154.209.319	27.146.396.530
Chi phí khấu hao TSCĐ	14.705.188.674	16.016.010.101
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.162.359.467	24.959.362.518
Chi phí khác	14.314.231.639	4.907.168.216
	368.568.519.733	271.601.788.595

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện		
Lợi nhuận trước thuế	11.696.030.596	3.786.561.973
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Trừ: Lỗ năm trước chuyển qua	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	2.199.894.639	3.282.741.295
Thu nhập chịu thuế	13.895.925.235	7.069.303.268
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	15%	15%
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp hiện hành	2.084.388.784	1.060.395.490
Thuế Thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.084.388.784	1.060.395.490

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm các khoản nợ thuê, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

MẪU B 09-DN

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.711.650.221	4.187.567.859
Các khoản phải thu	43.821.550.131	50.785.614.172
Đầu tư dài hạn	-	-
Tổng cộng	55.533.200.352	54.973.182.031

Công nợ tài chính

Các khoản vay:	127.213.257.275	134.239.017.820
+ Ngắn hạn	51.471.017.275	47.145.745.544
+ Dài hạn	75.742.240.000	87.093.272.276
Phải trả người bán và phải trả khác	57.083.819.051	76.378.923.029
Chi phí phải trả	8.922.379.585	7.368.798.043
Tổng cộng	193.219.455.911	217.986.738.892

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền tương lai của công cụ tài chính biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Loại tiền tệ gây ra rủi ro này là USD và EUR. Công ty đảm bảo rằng việc chịu rủi ro này sẽ được duy trì ở mức chấp nhận được bằng cách thực hiện quản lý rủi ro liên quan đến biến động tỷ giá hối đoái thông qua các biện pháp: dự báo tỷ giá ngoại hối trong tương lai, duy trì dư nợ ngoại tệ ở mức thấp...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***MẪU B 09-DN**

Giá trị ghi sổ của các tài sản và công nợ phải trả có gốc USD như sau:

	Ngoại tệ	
	31/12/2013	01/01/2013
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	386.776,08	488,00
Các khoản phải thu	507.237,15	460.374,56
Đầu tư dài hạn	-	-
Tổng cộng	894.013,23	460.862,56
Công nợ tài chính		
Các khoản vay:	4.310.600,87	4.688.075,66
+ Ngắn hạn	710.000,00	834.212,00
+ Dài hạn	3.600.600,87	3.853.863,66
Phải trả người bán và phải trả khác	812.299,49	1.032.902,73
Chi phí phải trả	262.398,91	806.662,61
Tổng cộng	5.385.299,28	6.527.641,00

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Quản lý rủi ro về giá

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền tương lai của công cụ tài chính biến động theo những thay đổi theo giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Để quản lý rủi ro, Công ty tiến hành cơ cấu lại danh mục đầu tư theo hướng giảm thiểu rủi ro ở mức chấp nhận được.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa nợ phải trả đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yếu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

MẪU B 09-DN

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho nợ phải trả tài chính phi phái sinh và tài sản tài chính phi phái sinh trên cơ sở không chiết khấu tại thời điểm lập báo cáo:

Khoản mục	Dưới 1 năm VND	Từ 1 năm - 5 năm VND	Tổng VND
NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH			
Tại 31/12/2013			
Các khoản vay	51.471.017.275	75.742.240.000	127.213.257.275
Phải trả người bán và phải trả khác	57.083.819.051	-	57.083.819.051
Chi phí phải trả	8.922.379.585	-	8.922.379.585
Cộng	117.477.215.911	75.742.240.000	193.219.455.911
Tại 01/01/2013			
Các khoản vay	47.145.745.544	87.093.272.276	134.239.017.820
Phải trả người bán và phải trả khác	76.378.923.029	-	76.378.923.029
Chi phí phải trả	7.368.798.043	-	7.368.798.043
Cộng	130.893.466.616	87.093.272.276	217.986.738.892
TÀI SẢN TÀI CHÍNH			
Tại 31/12/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.711.650.221	-	11.711.650.221
Các khoản phải thu	43.821.550.131	-	43.821.550.131
Đầu tư dài hạn	-	-	-
Cộng	55.533.200.352	-	55.533.200.352
Tại 01/01/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.187.567.859	-	4.187.567.859
Các khoản phải thu	50.785.614.172	-	50.785.614.172
Đầu tư dài hạn	-	-	-
Cộng	54.973.182.031	-	54.973.182.031

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2013 VND	2012 VND
Trả nợ vay dài hạn		
Chyih Investment Co., Ltd	3.147.080.000,00	21.440.805.838
Lãi vay dài hạn	2013 VND	2012 VND
Công ty Chyih Investment Co., Ltd.	2.335.906.031	2.391.054.400
Mr. Chen Hui Zun	2.319.999.996	579.999.999
Số dư với các bên liên quan:		
	31/12/2013	01/01/2013
Các khoản phải trả Chyih Investment Co., Ltd.	VND	VND
+ Lãi vay phải trả	5.326.490.221	5.497.877.522
+ Vay dài hạn phải trả	74.677.800.000	77.063.600.000
Các khoản phải trả Mr. Chen Hui Zun		
+ Lãi vay phải trả	193.333.333,00	-
+ Vay dài hạn phải trả	16.000.000.000	16.000.000.000

MẪU B 09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

30. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2013 VNĐ	01/01/2013 VNĐ
Trong vòng một năm	1.772.819.418	1.755.290.114
Trong năm thứ hai	1.772.819.418	1.755.290.114
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	5.318.458.254	5.265.870.342
Sau năm thứ năm	<u>49.343.472.048</u>	<u>50.610.863.218</u>
	<u>58.207.569.138</u>	<u>59.387.313.788</u>

Công ty hàng năm phải trả tiền thuê đối với diện tích 102.775 m² tại Khu Công nghiệp Nhơn Trạch với giá thuê 0,82 USD/m²/năm theo quy định tại Hợp đồng thuê lại đất số 985/CT-ĐT ngày 25/10/2000, Phụ lục số 97/CT-KHĐT ngày 20/01/2005 và Phụ lục số 1226/CT-ĐT-PLHD ngày 03/12/2005.

31. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28 vì lĩnh vực hoạt động sản xuất, kinh doanh chính của Công ty là gạch men, ngoài ra các hàng hóa, dịch vụ khác chủ yếu là phục vụ cho việc sản xuất kinh doanh chính (chiếm tỷ trọng rất nhỏ, dưới 10%).

Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực địa lý vì hoạt động sản xuất kinh doanh tập trung tại Công ty và không có chi nhánh, do vậy không có sự khác biệt về mặt rủi ro và lợi ích kinh tế, cũng như không có sự khác biệt về điều kiện, chính trị và địa lý như đã nêu trong chuẩn mực.

Do đó Ban Giám đốc đã đánh giá và tin tưởng việc không lập báo cáo theo bộ phận là phù hợp với hoạt động kinh doanh hiện nay của Công ty và báo cáo tài chính của Công ty không thuộc phạm vi áp dụng yêu cầu trình bày như quy định của chuẩn mực.

32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.



HUNG KUANG CHING
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 3 năm 2014

LÊ THỊ MỸ DUNG
Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ HỒNG PHÚC
Lập biêú